

Số: ~~539~~./QĐ-KTKTCT

Thanh Hoá, ngày ~~30~~ tháng ~~10~~ năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 5639/QĐ-BGDĐT, ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương;

Căn cứ Quyết định 516/QĐ-BCT ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-KTKTCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp trung cấp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp cho 68 học sinh khóa học 2023 - 2025, gồm các ngành, nghề:

- Kế toán doanh nghiệp: 13 học sinh
- Kỹ thuật chế biến món ăn: 18 học sinh
- Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn: 12 học sinh
- Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: 11 học sinh
- Công nghệ ô tô: 14 học sinh

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Học sinh có tên ghi tại Điều 1 được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa, các đơn vị có liên quan và học sinh có tên ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như: Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



**Bùi Ngọc Quyết**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP**

Kèm theo Quyết định số: **538/QĐ-KTKTCT** ngày **30** tháng **10** năm 2025

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương

**1. Ngành, nghề: Kế toán doanh nghiệp**

| STT | Họ đệm            | Tên    | Giới tính | Ngày sinh  | Quê quán  | Lớp   | Kết quả thi |     | Điểm TB | Điểm TN | Xếp loại TN |
|-----|-------------------|--------|-----------|------------|-----------|-------|-------------|-----|---------|---------|-------------|
|     |                   |        |           |            |           |       | tốt nghiệp  |     |         |         |             |
|     |                   |        |           |            |           |       | LTCM        | TH  |         |         |             |
| 1   | Đỗ Thị Phương     | Anh    | Nữ        | 28/3/2008  | Thanh Hoá | 40KT1 | 7.0         | 6.0 | 6.7     | 6.5     | Trung bình  |
| 2   | Nguyễn Mai        | Anh    | Nữ        | 15/12/2008 | Thanh Hoá | 40KT1 | 7.0         | 5.0 | 6.8     | 6.2     | Trung bình  |
| 3   | Lê Thị Lan        | Anh    | Nữ        | 7/3/2008   | Thanh Hoá | 40KT1 | 7.5         | 6.0 | 6.9     | 6.7     | Trung bình  |
| 4   | Nguyễn Thị Phương | Anh    | Nữ        | 12/11/2008 | Ninh Bình | 40KT1 | 8.5         | 7.0 | 7.5     | 7.5     | Khá         |
| 5   | Trịnh Thị Phương  | Anh    | Nữ        | 6/11/2008  | Thanh Hoá | 40KT1 | 7.0         | 7.0 | 7.1     | 7.1     | Khá         |
| 6   | Lê Việt           | Hà     | Nữ        | 14/11/2008 | Thanh Hoá | 40KT1 | 9.0         | 7.0 | 7.5     | 7.6     | Khá         |
| 7   | Nguyễn Thanh      | Mai    | Nữ        | 26/3/2008  | Thanh Hoá | 40KT1 | 6.5         | 5.0 | 6.2     | 5.9     | Trung bình  |
| 8   | Đỗ Bảo            | Nhi    | Nữ        | 21/11/2008 | Thanh Hoá | 40KT1 | 7.0         | 6.0 | 6.6     | 6.5     | Trung bình  |
| 9   | Nguyễn Thị Yên    | Nhi    | Nữ        | 18/12/2008 | Thanh Hoá | 40KT1 | 7.0         | 5.5 | 6.4     | 6.2     | Trung bình  |
| 10  | Trịnh Đình        | Phuong | Nam       | 26/6/2008  | Thanh Hoá | 40KT1 | 6.0         | 5.0 | 6.7     | 6.0     | Trung bình  |
| 11  | Lê Lưu Hằng       | Thư    | Nữ        | 06/8/2008  | Thanh Hoá | 40KT1 | 6.0         | 5.0 | 5.8     | 5.6     | Trung bình  |
| 12  | Trịnh Thanh       | Thủy   | Nữ        | 15/02/2008 | Thanh Hoá | 40KT1 | 5.0         | 5.0 | 6.4     | 5.7     | Trung bình  |
| 13  | Nguyễn Phạm Cẩm   | Tú     | Nữ        | 13/9/2008  | Thanh Hoá | 40KT1 | 6.5         | 5.0 | 6.5     | 6.0     | Trung bình  |

## 2. Ngành, nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn

| STT | Họ đệm            | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | Quê quán  | Lớp        | Kết quả thi tốt nghiệp |     | Điểm TB | Điểm TN | Xếp loại TN |
|-----|-------------------|-------|-----------|------------|-----------|------------|------------------------|-----|---------|---------|-------------|
|     |                   |       |           |            |           |            | LTCM                   | THN |         |         |             |
| 1   | Lê Quang Việt     | Anh   | Nam       | 19/01/2008 | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.5                    | 9.0 | 7.0     | 7.8     | Khá         |
| 2   | Nguyễn Hoàng Minh | Đặng  | Nam       | 22/01/2008 | Tây Ninh  | KTCBMA-K9A | 8.0                    | 7.5 | 6.9     | 7.3     | Khá         |
| 3   | Lê Ngọc Khánh     | Duy   | Nam       | 07/9/2007  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.5                    | 7.5 | 6.7     | 7.3     | Khá         |
| 4   | Lê Thị Thu        | Hằng  | Nữ        | 16/7/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.5                    | 8.0 | 7.7     | 7.9     | Khá         |
| 5   | Phạm Thị          | Hiền  | Nữ        | 26/10/2008 | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.5                    | 8.0 | 7.5     | 7.8     | Khá         |
| 6   | Lê Quốc           | Hung  | Nam       | 13/10/2007 | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.0                    | 9.0 | 7.2     | 7.9     | Khá         |
| 7   | Phạm Bình         | Jiha  | Nữ        | 23/5/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.5                    | 8.5 | 8.0     | 8.3     | Giỏi        |
| 8   | Trần Minh         | Khang | Nam       | 29/5/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.5                    | 9.0 | 7.4     | 8.0     | Giỏi        |
| 9   | Vương Tiến        | Lực   | Nam       | 01/8/2007  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.5                    | 7.5 | 6.9     | 7.2     | Khá         |
| 10  | Nguyễn Thị Trà    | My    | Nữ        | 03/3/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.0                    | 8.0 | 7.8     | 7.9     | Khá         |
| 11  | Vương Huệ         | Nhi   | Nữ        | 08/12/2007 | Hà Nội    | KTCBMA-K9A | 8.0                    | 8.5 | 7.6     | 8.0     | Giỏi        |
| 12  | Hoàng Minh        | Quân  | Nam       | 28/8/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.0                    | 8.5 | 7.6     | 7.8     | Khá         |
| 13  | Trần Minh         | Quân  | Nam       | 26/10/2008 | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.0                    | 8.0 | 6.8     | 7.2     | Khá         |
| 14  | Vũ Minh           | Quang | Nam       | 6/01/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.5                    | 8.0 | 7.6     | 7.9     | Khá         |
| 15  | Bùi Văn           | Quang | Nam       | 04/9/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.0                    | 8.0 | 6.7     | 7.4     | Khá         |
| 16  | Nguyễn Văn        | Thắng | Nam       | 14/9/2007  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.0                    | 8.0 | 6.3     | 7.0     | Khá         |
| 17  | Lê Minh           | Tuấn  | Nam       | 30/9/2008  | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 8.0                    | 8.0 | 7.2     | 7.6     | Khá         |
| 18  | Lê Nguyễn Hồng    | Việt  | Nam       | 12/12/2008 | Thanh Hoá | KTCBMA-K9A | 7.0                    | 8.0 | 6.8     | 7.2     | Khá         |

## 3. Ngành, nghề: Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn

| STT | Họ đệm            | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | Quê quán  | Lớp      | Kết quả thi tốt nghiệp |     | Điểm TB | Điểm TN | Xếp loại TN |
|-----|-------------------|-------|-----------|------------|-----------|----------|------------------------|-----|---------|---------|-------------|
|     |                   |       |           |            |           |          | LTCM                   | TH  |         |         |             |
| 1   | Võ Thị Ngọc       | Anh   | Nữ        | 4/01/2008  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 8.0 | 6.9     | 7.5     | Khá         |
| 2   | Tô Hà             | Anh   | Nữ        | 06/8/2008  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 8.0 | 6.9     | 7.5     | Khá         |
| 3   | Đàm Ngọc          | Ánh   | Nữ        | 29/9/2008  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.5                    | 9.0 | 7.7     | 8.3     | Giỏi        |
| 4   | Cao Xuân          | Đạt   | Nam       | 06/9/2008  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 8.5 | 6.8     | 7.6     | Khá         |
| 5   | Bùi Ngọc          | Dương | Nam       | 16/12/2008 | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 8.0 | 6.8     | 7.4     | Khá         |
| 6   | Nguyễn Hương Phần | Hoa   | Nữ        | 23/9/2007  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.5                    | 9.0 | 7.8     | 8.3     | Giỏi        |
| 7   | Cao Văn           | Kiên  | Nam       | 26/10/2008 | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 7.5                    | 8.5 | 6.9     | 7.5     | Khá         |
| 8   | Lê Thành          | Lợi   | Nam       | 02/01/2008 | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.5                    | 8.0 | 7.0     | 7.6     | Khá         |
| 9   | Lê Thị            | Mai   | Nữ        | 08/8/2008  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.5                    | 9.0 | 7.7     | 8.3     | Giỏi        |
| 10  | Nguyễn Thị Yến    | Nhi   | Nữ        | 20/10/2008 | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 8.0 | 7.0     | 7.5     | Khá         |
| 11  | Trịnh Duy         | Quang | Nam       | 05/8/2002  | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 9.0 | 7.2     | 7.9     | Khá         |
| 12  | Lê Thành          | Thắng | Nam       | 02/01/2008 | Thanh Hoá | NHKS-K6A | 8.0                    | 8.0 | 7.2     | 7.6     | Khá         |

## 4. Ngành, nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí

| STT | Họ đệm        | Tên  | Giới tính | Ngày sinh  | Quê quán  | Lớp          | Kết quả thi tốt nghiệp |     | Điểm TB | Điểm TN | Xếp loại TN |
|-----|---------------|------|-----------|------------|-----------|--------------|------------------------|-----|---------|---------|-------------|
|     |               |      |           |            |           |              | LTCM                   | TH  |         |         |             |
| 1   | Nguyễn Lê Anh | Duy  | Nam       | 02/3/2008  | Ninh Bình | KTMLĐHKK-K8A | 9.0                    | 9.0 | 7.9     | 8.5     | Giỏi        |
| 2   | Lê Trọng      | Hải  | Nam       | 03/02/2008 | Thanh Hoá | KTMLĐHKK-K8A | 8.5                    | 7.0 | 6.8     | 7.2     | Khá         |
| 3   | Nguyễn Đình   | Hùng | Nam       | 10/01/2008 | Thanh Hoá | KTMLĐHKK-K8A | 8.5                    | 9.0 | 7.5     | 8.2     | Giỏi        |
| 4   | Lê Văn        | Huy  | Nam       | 18/7/2008  | Thanh Hoá | KTMLĐHKK-K8A | 6.5                    | 8.0 | 6.8     | 7.2     | Khá         |

## 5. Ngành, nghề: Công nghệ ô tô

| STT  | Họ đệm       | Tên     | Giới tính | Ngày sinh   | Quê quán  | Lớp          | Kết quả thi tốt nghiệp |         | Điểm TB     | Điểm TN | Xếp loại TN |
|------|--------------|---------|-----------|-------------|-----------|--------------|------------------------|---------|-------------|---------|-------------|
| LTCM | TH           | Điểm TB | Điểm TN   | Xếp loại TN | LTCM      | TH           | Điểm TB                | Điểm TN | Xếp loại TN | LTCM    | TH          |
|      |              |         |           |             |           |              |                        |         |             |         |             |
| 5    | Nguyễn Trọng | Nam     | Nam       | 26/01/2008  | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 8.5                    | 9.0     | 7.6         | 8.2     | Giỏi        |
| 6    | Trương Đức   | Nguyễn  | Nam       | 02/02/2008  | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 8.0                    | 8.5     | 6.9         | 7.6     | Khá         |
| 7    | Nguyễn Văn   | Thái    | Nam       | 18/01/2008  | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 8.0                    | 7.0     | 7.0         | 7.2     | Khá         |
| 8    | Tô Vũ        | Thăng   | Nam       | 08/8/2008   | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 7.0                    | 7.0     | 6.9         | 7.0     | Khá         |
| 9    | Nguyễn Văn   | Thành   | Nam       | 06/02/2008  | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 7.5                    | 9.0     | 7.7         | 8.1     | Giỏi        |
| 10   | Phạm Như     | Thao    | Nam       | 25/10/2008  | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 6.0                    | 8.0     | 6.7         | 7.0     | Khá         |
| 11   | Lê Sỹ        | Viết    | Nam       | 06/10/2008  | Thanh Hoá | KTMLDHKK-K8A | 8.5                    | 7.5     | 6.8         | 7.3     | Khá         |

| STT  | Họ đệm       | Tên     | Giới tính | Ngày sinh   | Quê quán  | Lớp     | Kết quả thi tốt nghiệp |         | Điểm TB     | Điểm TN | Xếp loại TN |
|------|--------------|---------|-----------|-------------|-----------|---------|------------------------|---------|-------------|---------|-------------|
| LTCM | TH           | Điểm TB | Điểm TN   | Xếp loại TN | LTCM      | TH      | Điểm TB                | Điểm TN | Xếp loại TN | LTCM    | TH          |
|      |              |         |           |             |           |         |                        |         |             |         |             |
|      | Lê Duy       | Anh     | Nam       | 02/10/2007  | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 7.5                    | 7.5     | 7.1         | 7.3     | Khá         |
| 2    | Lê Hữu       | Chi     | Nam       | 28/6/2008   | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 7.5                    | 8.0     | 7.0         | 7.4     | Khá         |
| 3    | Nguyễn Văn   | Đại     | Nam       | 06/5/2008   | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 7.5                    | 8.0     | 6.9         | 7.4     | Khá         |
| 4    | Trần Quốc    | Hậu     | Nam       | 04/12/2008  | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 7.5                    | 7.5     | 6.9         | 7.2     | Khá         |
| 5    | Trần Văn     | Khải    | Nam       | 12/12/2008  | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 7.5                    | 8.5     | 7.7         | 7.9     | Khá         |
| 6    | Trần Nam     | Phát    | Nam       | 16/6/2008   | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 6.0                    | 8.0     | 7.5         | 7.4     | Khá         |
| 7    | Phạm Gia     | Phong   | Nam       | 27/9/2008   | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 7.0                    | 7.5     | 6.8         | 7.1     | Khá         |
| 8    | Nguyễn Thiên | Phúc    | Nam       | 31/10/2008  | Thanh Hoá | CNOT-K3 | 8.0                    | 8.5     | 7.6         | 8.0     | Giỏi        |

| STT | Họ đệm           | Tên   | Giới tính | Ngày sinh  | Quê quán        | Lớp     | Kết quả thi tốt nghiệp |     | Điểm TB | Điểm TN | Xếp loại TN |
|-----|------------------|-------|-----------|------------|-----------------|---------|------------------------|-----|---------|---------|-------------|
|     |                  |       |           |            |                 |         | LTCM                   | TH  |         |         |             |
| 9   | Hồ Minh          | Quân  | Nam       | 28/7/2008  | Thanh Hoá       | CNOT-K3 | 6.0                    | 8.5 | 7.5     | 7.6     | Khá         |
| 10  | Lê Phú           | Quang | Nam       | 02/11/2008 | Thanh Hoá       | CNOT-K3 | 8.0                    | 8.0 | 7.3     | 7.7     | Khá         |
| 11  | Nguyễn Minh      | Trí   | Nam       | 23/8/2006  | TP. Hồ Chí Minh | CNOT-K3 | 9.0                    | 8.0 | 6.9     | 7.6     | Khá         |
| 12  | Lê Ngọc          | Tú    | Nam       | 05/01/2008 | Thanh Hoá       | CNOT-K3 | 8.0                    | 8.0 | 7.0     | 7.5     | Khá         |
| 13  | Nguyễn Mậu Thành | Vinh  | Nam       | 8/02/2008  | Thanh Hoá       | CNOT-K3 | 6.0                    | 8.0 | 6.9     | 7.1     | Khá         |
| 14  | Đổng Huy Tài     | Vũ    | Nam       | 27/7/2008  | Thanh Hoá       | CNOT-K3 | 8.0                    | 8.5 | 7.7     | 8.0     | Giỏi        |

Tổng hợp: Tổng số học sinh tốt nghiệp: 68 học sinh, trong đó:

- Loại Giỏi: 12 học sinh (17,65%)
- Loại Khá: 46 học sinh (67,65%)
- Loại Trung bình: 10 học sinh (14,7%)